

Số: /HD - SLĐTBXH

Hải Phòng, ngày tháng 01 năm 2025

HƯỚNG DẪN

Triển khai Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09/01/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025 - 2030

Thực hiện Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về Quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025-2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND), Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09/01/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND.

Để triển khai thực hiện thuận lợi, hiệu quả các chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố và Kế hoạch số 08/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung như sau:

1. Đối tượng thụ hưởng chính sách

Đối tượng thụ hưởng chính sách được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND, cụ thể:

1.1. Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gồm:

a) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ);

b) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại điểm a tiểu mục 1.1.

1.2. Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là trẻ em bị khuyết tật bẩm sinh có ông/bà (nội/ngoại) đã hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, gồm:

a) Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học không thuộc đối tượng quy định tại điểm a tiêu mục 1.2, được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã xác định mức khuyết tật nhẹ.

1.3. Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng;

b) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại biệt tích từ 24 tháng trở lên nhưng chưa có quyết định công nhận mất tích của Tòa án, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày (danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế);

d) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng;

đ) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại biệt tích từ 24 tháng trở lên nhưng chưa có quyết định công nhận mất tích của Tòa án, có xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã;

e) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày (danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế);

g) Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

1.4. Trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con; trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục.

1.5. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS.

2. Nội dung chính sách

Được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND, cụ thể:

2.1. Chính sách hỗ trợ hàng tháng

2.1.1. Mức hỗ trợ

a) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ **được hỗ trợ thêm hàng tháng** (ngoài mức trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy

định hiện hành) để bảo đảm tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách bằng với mức chuẩn nghèo đa chiều do Chính phủ quy định.

b) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã xác định mức khuyết tật nhẹ không thuộc đối tượng quy định tại điểm a mục 2.1.1 được **hỗ trợ hàng tháng** bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều do Chính phủ quy định.

c) Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng; trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con; trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em nhiễm HIV/AIDS được **hỗ trợ hàng tháng** bằng 1,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội do Chính phủ quy định.

* Mức chuẩn nghèo đa chiều do Chính phủ quy định hiện nay được thực hiện theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, với *tiêu chí về thu nhập* là:

- **1.500.000 đồng**/tháng/người đối với người sống tại khu vực nông thôn.
- **2.000.000 đồng**/tháng/người đối với người sống tại khu vực thành thị.

* Mức chuẩn trợ giúp xã hội do Chính phủ quy định thời điểm hiện nay được thực hiện theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 14/3/2021 của Chính phủ quy định một số chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội **là 500.000 đồng**.

Ví dụ 1: Cháu Vũ Thị A thuộc *hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo* sống tại khu vực thành thị, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội, với mức trợ cấp xã hội là 1.400.000 đồng/tháng (trẻ em khuyết tật nặng) và là đối tượng hưởng theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND thì cháu A được **hỗ trợ thêm** hàng tháng là: 2.000.000 đồng - 1.400.000 đồng = 600.000 đồng/tháng.

Ví dụ 2: Cháu Nguyễn Văn B thuộc *hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo* sống ở khu vực nông thôn, là đối tượng hưởng theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND thì cháu B được **hỗ trợ hàng tháng** là: 1.500.000 đồng/tháng.

Ví dụ 3: Cháu Phạm Văn C là trẻ em *khuyết tật thuộc thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học*, sống ở khu vực thành thị, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội, với mức trợ cấp xã hội là 1.750.000 đồng/tháng (trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng) và là đối tượng hưởng theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND thì cháu C được **hỗ trợ thêm** hàng tháng là: 2.000.000 đồng - 1.750.000 đồng = 250.000 đồng/tháng.

Ví dụ 4: Cháu Lê Thị D là trẻ em *không có nguồn nuôi dưỡng* và là đối tượng được hưởng theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND, cháu D được **hỗ trợ hàng tháng** là: $1,5 \times 500.000 \text{ đồng} = 750.000 \text{ đồng/tháng}$.

Ví dụ 5: Cháu Nguyễn Văn E là trẻ em được sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục (mẹ cháu E là trẻ em bị xâm phạm tình dục) và là đối tượng hưởng theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND, cháu E được **hỗ trợ hàng tháng** là: $1,5 \times 500.000 \text{ đồng} = 750.000 \text{ đồng/tháng}$ và thời gian hưởng của cháu E được tính cho đến khi mẹ cháu đủ 18 tuổi.

2.1.2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND.

a) Nguyên tắc hỗ trợ

- Trường hợp đối tượng hưởng nhiều chính sách hỗ trợ với mức khác nhau theo quy định tại Nghị quyết này hoặc Nghị quyết quy định chính sách đặc thù khác của thành phố thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Ví dụ 6: Cháu Nguyễn Văn H vừa là trẻ em thuộc hộ cận nghèo sống ở nông thôn vừa là trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định của Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND thì cháu H chỉ hưởng một mức hỗ trợ cao nhất dành cho trẻ em thuộc hộ cận nghèo là 1.500.000 đồng/tháng.

b) Điều kiện hỗ trợ, gồm:

- Các đối tượng thụ hưởng chính sách của Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND là trẻ em (người dưới 16 tuổi).

- Trẻ em có đăng ký thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Trẻ em quy định tại điểm b tiểu mục 1.2, tiểu mục 1.3, tiểu mục 1.4 và tiểu mục 1.5 mục 1 không bao gồm trẻ em được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và trẻ em đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng.

2.1.3. Thời gian áp dụng

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2030 hoặc đến khi người được hỗ trợ không đảm bảo đủ điều kiện được hỗ trợ.

- Thời gian bắt đầu thực hiện hỗ trợ: kể từ thời điểm ghi trong Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Riêng đối tượng trẻ em khuyết tật thuộc thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được tính từ tháng được cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật.

Đối tượng trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này được tiếp tục hỗ trợ hàng tháng trong vòng 36 tháng kể từ

thời điểm được công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo; hoặc thoát cận nghèo.

Trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục được hỗ trợ cho đến khi mẹ đủ 18 tuổi.

- Thời gian thôi hưởng hỗ trợ hàng tháng kể từ tháng ngay sau tháng đối tượng đang hưởng hỗ trợ hàng tháng chết hoặc không đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng (ví dụ: quá tuổi trẻ em).

- Thời gian điều chỉnh mức hỗ trợ hàng tháng kể từ tháng đối tượng đủ điều kiện điều chỉnh.

Ví dụ 7. Cháu Hoàng Thị N là đối tượng trẻ em khuyết tật nặng, sống tại khu vực thành thị, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội, với mức trợ cấp xã hội là 1.400.000 đồng/tháng. Thời điểm **cuối năm 2024**, sau khi rà soát hộ nghèo, cháu N có trong danh sách hộ cận nghèo. Như vậy, cháu N thuộc diện hưởng theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND và được **hỗ trợ thêm** hàng tháng là: 600.000 đồng/tháng. Thời gian cháu N nhận hỗ trợ thêm hàng tháng được tính từ ngày **01/01/2025**.

2.1.4. Hồ sơ, thủ tục thực hiện

a) Đối với trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục

Hồ sơ, thủ tục hưởng hỗ trợ hàng tháng đối với trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục được thực hiện như hồ sơ thủ tục đối với đối tượng trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Hồ sơ gồm:

- Tờ khai theo mẫu 1a ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;
- Giấy khai sinh của trẻ em đề nghị hưởng hỗ trợ hàng tháng;
- Căn cước công dân của cha/mẹ hoặc người giám hộ;
- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo;
- Quyết định về việc trợ cấp xã hội hàng tháng nếu là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;
- Quyết định về việc trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng của cha/mẹ trong trường hợp trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc trong trường hợp trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng; Quyết định nhận trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng của cả cha và mẹ trong trường hợp trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng;

- Đơn có xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã (theo mẫu gửi kèm) trong trường hợp trẻ em có cha hoặc mẹ biệt tích từ 24 tháng trở lên, chưa có quyết định công nhận mất tích của Tòa án. (Biệt tích từ 24 tháng trở lên được hiểu là không có tung tích, không còn liên lạc với gia đình, người thân từ 24 tháng trở lên);

- Quyết định tuyên bố mất tích của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;

- Giấy tờ xác nhận mắc bệnh cần điều trị dài ngày của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên trong trường hợp cha/mẹ trẻ em bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày (người bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày là người mắc một trong các bệnh thuộc danh mục các bệnh cần chữa trị dài ngày. **Hiện nay, danh mục các bệnh cần chữa trị dài ngày được quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT** ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

b) Đối với trẻ em khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

Hồ sơ, thủ tục hưởng hỗ trợ hàng tháng đối với trẻ em khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được thực hiện như hồ sơ, thủ tục đối với đối tượng người khuyết tật hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Hồ sơ gồm:

- Tờ khai theo mẫu 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;
- Giấy khai sinh của trẻ em đề nghị hưởng hỗ trợ hàng tháng;
- Giấy khai sinh của bố/mẹ trẻ em (là người thuộc thể hệ thứ hai của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương về quan hệ của đối tượng;
- Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (ông/bà nội, ngoại của đối tượng);
- Quyết định về việc trợ cấp xã hội hàng tháng nếu là trẻ em bị khuyết tật đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

c) Đối với trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con

Hồ sơ, thủ tục hưởng hỗ trợ hàng tháng đối với trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con được thực hiện như hồ sơ, thủ tục đối với người đơn thân nghèo đang nuôi con hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Hồ sơ gồm:

- Tờ khai theo mẫu 1c ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;
- Giấy khai sinh của trẻ em đề nghị hưởng hỗ trợ hàng tháng;
- Giấy khai sinh/chứng sinh con của trẻ em;

- Căn cước công dân của cha/mẹ hoặc người giám hộ trẻ em đề nghị hưởng hỗ trợ hàng tháng.

d) Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS

Hồ sơ, thủ tục hưởng hỗ trợ hàng tháng đối với trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS được thực hiện như hồ sơ, thủ tục với trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Hồ sơ gồm:

- Tờ khai theo mẫu 1b ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;
- Giấy khai sinh của trẻ em đề nghị hưởng hỗ trợ hàng tháng;
- Căn cước công dân của cha/mẹ hoặc người giám hộ trẻ em đề nghị hưởng hỗ trợ hàng tháng;
- Giấy xác nhận bị nhiễm HIV/AIDS của cơ quan y tế có thẩm quyền.

e) Đối với các nhóm đối tượng: (i) trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn thành phố; (ii) trẻ em là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã xác định mức khuyết tật nhẹ được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 về nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội và một số chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025, Ủy ban nhân dân cấp huyện **ban hành Quyết định thôi hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND hoặc Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND**, đồng thời **ban hành Quyết định hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND**.

2.2. Chính sách hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm y tế

2.2.1. Mức hỗ trợ

Trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi thuộc các đối tượng trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã xác định mức khuyết tật nhẹ, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con; trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục được hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế hàng năm.

2.2.2. Thời gian hỗ trợ

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2030 hoặc đến khi người được hỗ trợ không đảm bảo đủ điều kiện được hỗ trợ.

- Thời gian bắt đầu thực hiện hỗ trợ: kể từ thời điểm ghi trong Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Đối tượng trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng của Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND được tiếp tục hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm y tế trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm được công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo; hoặc thoát cận nghèo.

2.2.3. Trình tự thực hiện

- Đối với trẻ em không theo học tại các cơ sở giáo dục: căn cứ quyết định hưởng chính sách hỗ trợ của đối tượng, Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách đề nghị cấp thẻ Bảo hiểm y tế đối với đối tượng thuộc diện hưởng chính sách Bảo hiểm y tế theo quy định theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND trên địa bàn gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện làm căn cứ cấp thẻ Bảo hiểm y tế theo quy định.

- Đối với trẻ em đang theo học tại các cơ sở giáo dục: căn cứ quyết định hưởng chính sách hỗ trợ của đối tượng, cơ sở giáo dục lập riêng danh sách đề nghị cấp thẻ Bảo hiểm y tế đối với đối tượng thuộc diện hưởng chính sách Bảo hiểm y tế theo quy định tại Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện làm căn cứ cấp thẻ Bảo hiểm y tế theo quy định.

Hàng quý, năm, Bảo hiểm xã hội cấp huyện phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch cùng cấp rà soát, đối chiếu, thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định.

Trình tự thực hiện tương tự như đối với việc thực hiện hỗ trợ Bảo hiểm y tế đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủy Nguyên quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Ban VHXH HĐNDTP;
- Giám đốc, các PGĐ Sở LĐTBXH;
- Các Sở: TC, YT, GDĐT, TTTT;
- Kho bạc Nhà nước Hải Phòng;
- Bảo hiểm xã hội thành phố;
- UBND các q/h và TP Thủy Nguyên;
- Phòng LĐTBXH các quận, huyện; thành phố Thủy Nguyên; Phòng Nội vụ, LĐTBXH huyện Cát Hải;
- Phòng BTXH, P. KHTC, VP Sở;
- Lưu: VT, P.BVCSTE&BDG.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Minh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG BIỆT TÍCH

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn.....

Tôi tên là:.....

Sinh ngày:.....

Nơi cư trú:

Số CCCD..... Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

Quan hệ với người được xác nhận tình trạng biệt tíchⁱ:

Nay tôi làm đơn này kính mong UBND xã/phường/thị trấn..... xác nhận tình trạng biệt tích của người có tên dưới đây:

Họ và tên: Sinh ngày:.....

Giới tính:.....

Nơi thường trú:

Số CCCD..... Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

Đi biệt tích từ ngày / / đến nay chưa có tin tức gì.

Mục đích xác nhận tình trạng biệt tíchⁱⁱ:

.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

....., ngày.....tháng năm

Người yêu cầu

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của chính quyền địa phương

.....

....., ngày.....tháng năm

TM.UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Ký tên, đóng dấu)

ⁱ Ghi rõ mối quan hệ với người bị biệt tích: ví dụ vợ/chồng; con; anh/em....;

ⁱⁱ Làm thủ tục hỗ trợ hàng tháng cho con ông/bà..... Theo quy định tại Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024.